TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THAN UYÊN** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 3 - 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Giang Thị Vượng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Xuân Xanh; Bà Nguyễn Thị Khánh Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Phương

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Tuân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị L; sinh năm 1999; (Có mặt)

Nơi cư trú: Bản P, xã M, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

- *Bị đơn:* Anh Lù Văn H; sinh năm 1995; (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Bản M xã M, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Hà Thị L trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị L và anh Lù Văn H tự nguyện tìm hiểu, sống chung như vợ chồng vào năm 2014. Thời điểm sống chung chị L và anh H chưa đủ tuổi kết hôn, mặc dù hai bên gia đình không đồng ý nhưng do thiếu hiểu biết và có tình cảm với nhau nên anh chị vẫn tự nguyện sống chung mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau khi tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương chị L mang thai và sống ở nhà bố mẹ đẻ tại bản P, xã M, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu đến năm 2015 thì chuyển về sống cùng gia đình chồng tại bản Mé, xã M, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Sống ở nhà chồng được khoảng sáu, bảy tháng gia đình nhà chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị L và anh H đã dựng một túp lều nhỏ gần nhà để sinh sống. Trong thời gian chung sống vợ chồng chị L và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ, nguyên nhân do anh H không chịu khó làm ăn, sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, anh H thường bỏ nhà đi và nói là đi làm thuê nhưng không mang tiền về, một mình chị L phải đi bán rau, làm thuê để trang trải cuộc sống và nuôi con nhỏ ốm đau. Tháng 6 năm 2016 chị L về nhà nhà bố mẹ đẻ sinh sống và anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Do tình cảm với anh H không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lù Văn H.

Về nuôi con chung: Trong thời gian sống chung như vợ chồng chị L và anh H có một con chung là cháu: X, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2015. Chị L đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Trong đơn khởi kiện chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 500.000 đồng/tháng, tuy nhiên đến tại phiên hòa giải về con chung và tại phiên tòa chị L đã rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, kèm theo đơn khởi kiện chị L đã nộp cho Tòa án Bản sao có chứng thực giấy khai sinh cháu X; Bản sao sổ hộ khẩu gia đình ông Lù Văn Phới việc giao nộp tài liệu chứng cứ đúng thời gian và đúng trình tự, thủ tục.

Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Lù Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H công nhận về thời gian sống chung và không đăng ký kết hôn như chị L trình bày là đúng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do

hai vợ chồng còn trẻ, khó khăn về kinh tế, gánh nặng gia đình và nuôi con nhỏ buộc anh H phải đi làm thuê nhưng không đủ trang trải cuộc sống dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi cọ, rạn nứt tình cảm. Năm 2016 chị L đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh H đã nhiều lần động viên chị L trở về nhưng chị L không đồng ý. Mặc dù còn tình cảm nhưng chị L không suy nghĩ lại và có yêu cầu ly hôn anh H đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Trong thời gian sống chung chị L và anh H có một con chung chưa thành niên như chị L trình bày là đúng. Anh H nhất trí để chị L trực tiếp nuôi cháu X. Về cấp dưỡng nuôi con anh H khẳng định có trách nhiệm nuôi con cùng chị L theo khả năng thực tế và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi nhận thông báo thụ lý vụ án anh H không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Thẩm phán đã thụ lý vụ án và tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án và không có yêu cầu phản tố. Tiến hành xác minh tại UBND xã M, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu, xác định chị L và anh H không đăng ký kết hôn.

Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về con chung đúng quy định. Sau khi hòa giải, Chị L và anh H đã thỏa thuận được về quan hệ nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; Do chị L và anh H sống chung không đăng ký kết hôn nên Tòa án nhân dân huyện Than Uyên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Các đương sự trong vụ án từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định cảu Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và đình năm 2014; Đề

nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Không công nhận chị Hà Thị L và anh Lù Văn H là vợ chồng. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh H cho đến khi chị L có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Về tài chung và nợ chung do các đương sự không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 và khoản 7 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn là anh Lù Văn H có hộ khẩu thường trú tại bản Mé, xã M, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã giao nộp tài liệu, chứng cứ đúng thời gian và trình tự thủ tục. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh Lù Văn H.

[2]. Về nội dung vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, biên bản xác minh tại UBND xã M, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa đã xác định chị Hà Thị L và anh Lù Văn H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2014 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn do chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Đến năm 2017 khi đủ tuổi kết hôn nhưng chị L, anh H vẫn không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình chung sống chị L và anh H thường cãi cọ, bất đồng quan điểm do còn quá trẻ, mâu thuẫn về kinh tế, gánh nặng gia đình và nuôi dạy con cái. Từ năm 2016 đến nay chị L và anh H đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nay chị L có yêu cầu ly hôn Hội đồng xét xử cần căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận chị Hà Thị L và anh Lù Văn H là vợ chồng.

Về con chung: Chị Hà Thị L và anh Lù Văn H công nhận có một con chung là cháu X, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2015. Tại phiên hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt của anh Lù Văn H các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận giao cháu X cho chị Hà Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi

con chung. Do thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên Hội đồng xét xử cần căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận và ghi nhận nội dung thỏa thuận của các đương sự về nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Hà Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 7 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Các Điều 143, 147, 227, 246, 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Khoản 2 Điều 53; Các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và đình năm 2014

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hà Thị L và anh Lù Văn H là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu X, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2015 cho chị Hà Thị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu X thành niên (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lù Văn H cho đến khi chị Hà Thị L có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Sau khi ly hôn, anh Lù Văn H có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Hà Thị L và anh Lù Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị L đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2010/0002931 ngày 02/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu
- VKSND huyện Than Uyên
- Chi cục THA dân sự huyện Than Uyên
- Các đương sự
- UBND xã M, huyện Than Uyên
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giang Thị Vượng